

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày: 16/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Lâm và ông Nguyễn Nhân Phái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm ở trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lộc, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 14/4/2002 tại tỉnh TTH; nơi cư trú: Thôn Hòa Vang 1, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị H, sinh năm 1978; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 13/4/2022, Phạm T bị Tòa án nhân dân huyện PL xử phạt 08 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 19/2022/HS-ST ngày 13/4/2022; bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 09/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Võ Đại Đ (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 05/9/2004 tại tỉnh TTH; nơi cư trú: Thôn 8B, xã Thủy Phù, thị xã H, tỉnh TTH; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đại Đ, sinh năm 1975 và bà Lê Thị T, sinh năm 1977; vợ, con: Không có; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 6027/QĐ-XPHC ngày 28/12/2020; nhân thân: Ngày 10/02/2020 bị Công an thị xã Hương Thủy, tỉnh TTH ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo

Quyết định số: 257/QĐ-XPHC, đã chấp hành xong; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày: 22/5/2003 tại tỉnh TTH; nơi cư trú: Thôn Bình An, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1976; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 18/4/2022, Nguyễn Văn Đ1 bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 17/2022/HS-ST ngày 18/4/2022; bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Đại Đ:* Bà Trần Thị Quỳnh P. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh TTH, chi nhánh số 2. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh TTH. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Anh Nguyễn Đức Thành L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn Hòa Vang 3, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Có mặt.

+ Bà Phan Thị Vân, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Hòa Vang 3, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Hòa Vang 4, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 8B, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh TTH. Vắng mặt.

+ Anh Võ Đại Quang S, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn Bình An, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Vắng mặt.

+ Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn 8B, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh TTH. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Nam Trạch, xã Lộc An, huyện PL, tỉnh TTH. Có mặt.

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 1B, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh TTH. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn Hòa Vang 3, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn Hòa Vang 3, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn Hòa Vang 4, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Vắng mặt.

- *Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:*

- + Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL.
- + Ông Trần Đình Nam, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện PL.
- *Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:*
- + Ông Trần Thái Sơn, sinh năm 1992, cán bộ cơ quan Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an huyện PL.
- + Ông Lê Trọng Hậu, sinh năm 2003; ông Đặng Nhật Anh, sinh năm 2003. Đ1u là Chiên sỹ thuộc cơ quan Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an huyện PL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021 tại địa bàn xã LB, huyện PL, tỉnh TTH các bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1 đã lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút thực hiện nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/10/2021, Võ Đại Đ rủ Phạm T đi trộm gà để ăn, T đồng ý. Cả hai không tìm được địa điểm trộm gà nên T rủ Đ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó cả hai cùng lén lút vào nhà ông Nguyễn Đức Lai ở thôn Hòa Vang 3, T trực tiếp vào nhà để tìm kiếm tài sản còn Đ đứng ngoài để canh giới. Khi vào nhà T đi đến phòng khách và chiếm đoạt 02 máy tính xách tay (01 máy tính xách tay hiệu Asus, 15,6 inch màu đen và 01 máy tính xách tay hiệu HP, 15,6 inch màu vàng) của anh Nguyễn Đức Thành Long. Sau khi chiếm đoạt tài sản, Đ và T đem đi cất giấu tại nhà thờ bỏ hoang ở thôn Hòa Vang 4, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Sáng ngày 25/10/2021, Đ nhắn tin cho Võ Đại Quang Sơn là bạn của Đ nhờ đến để chở đi bán tài sản. Sau đó, Sơn điều khiển xe mô tô hiệu YAMAHA biển số 75AK-003.15 đến chở Đ đến cửa hàng máy tính SONGCHIP của anh Nguyễn Hồng Sinh bán tài sản chiếm đoạt được số tiền 5.500.000 đồng. Số tiền trên Đ cho Sơn mượn 1.000.000 đồng (Sơn đã trả lại cho Đ), còn lại Đ và T chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 94a/HĐĐG-TS ngày 02/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PL kết luận: Laptop hiệu Asus, 15,6 inch màu đen có giá: 3.000.000 đồng; Laptop hiệu HP, 15,6 inch màu vàng có trị giá: 8.500.000 đồng. Tổng cộng 11.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 29/10/2021, Võ Đại Đ, Phạm T, Nguyễn Văn Đ1 đang ngồi chơi với nhau tại nhà Đ thì T rủ Đ và Đ1 đi trộm cắp tài sản. Cả nhóm đến nhà bà Phan Thị Vân ở thôn Hòa Vang 3. Tại đây T, Đ1 đột nhập vào nhà tìm kiếm tài sản còn Đ đứng ngoài canh giới. T và Đ1 chiếm đoạt được 01 máy tính xách tay, hiệu Macbook Air 13, màu xám, sau đó cả nhóm đem máy tính vừa trộm cắp được đem đến nhà thờ ở thôn Hòa Vang 4, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH cất giấu. Sáng ngày 29/10/2021 Đ nhờ Đoàn Văn Quốc điều

khuyến xe mô tô hiệu Air Blade, biển kiểm soát 75G1- 153.28 chở Đ và Đ1 đến cửa hàng điện thoại Lê Dung của chị Lê Thị Dung bán tài sản chiếm đoạt được số tiền 950.000 đồng. Đ cho Quốc 150.000 đồng, đưa cho Đ1 400.000 đồng, còn lại 400.000 đồng Đ tiêu xài cá nhân hết. Đ1 nói với T là máy tính bị họ định vị nên đã lấy lại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 101/HĐĐG-TS ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PL kết luận: Máy tính xách tay hiệu Macbook Air 13 có trị giá: 16.792.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30/10/2021, T rủ Đ và Đ1 đi trộm cắp tài sản. Sau đó cả nhóm đi đến nhà bà Huỳnh Thị Hằng ở thôn Hòa Vang 4, phát hiện nhà không khóa cửa nên T trực tiếp đột nhập vào nhà còn Đ và Đ1 đứng ngoài canh giới. T vào nhà phát hiện gần phòng ngủ có 01 máy tính xách tay hiệu Asus Vivobook, màu bạc cùng sạc máy tính nên đã chiếm đoạt tài sản trên rồi cùng với Đ, Đ1 đem cất giấu tại nhà thờ bỏ hoang ở thôn Hòa Vang 4, xã LB, huyện PL, tỉnh TTH. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 31/10/2021, Đ nhờ Đoàn Văn Quốc đến nhờ chở đi bán. Quốc dùng xe mô tô hiệu Air Blade, biển kiểm soát 75G1- 153.28 đến chở T đến cửa hàng SONGCHIP bán tài sản được số tiền 4.500.000 đồng. T cho Quốc 500.000 đồng, Đ 500.000 đồng, Đ1 500.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng T dùng để tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 94/HĐĐG-TS ngày 02/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PL kết luận: Máy tính xách tay hiệu Asus Vivobook, 15,6 inch, màu bạc và dây sạc pin (theo máy) có trị giá: 13.095.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu YAMAHA KD biển kiểm soát 75AK -003.15 màu xám; 01 máy tính xách tay hiệu Asus, 15,6 inch, màu đen; 01 máy tính xách tay hiệu HP, 15,6 inch, màu vàng; 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển kiểm soát 75G1-153.28 màu cam đen; 01 máy tính xách tay hiệu Asus Vivobook, 15,6 inch, màu bạc; 01 dây sạc pin.

Tại bản Cáo trạng số: 45/CT-VKSPL ngày 20/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh TTH đã truy tố bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, Đ1 nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1. Áp dụng thêm Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1, áp dụng thêm Điều 91 và Điều 101 đối với bị cáo Võ Đại Đ. Đ1 nghị xử phạt bị cáo Phạm T từ 21 tháng đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Võ Đại Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án số 17/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh

TTH đối với bị cáo Đ1. Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hồng Sinh tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó bị cáo Đ1 và bị cáo T mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường 4.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Võ Đại Đ số tiền 400.000 đồng và của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 400.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Đại Đ, Đ1 nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 09 tháng đến 01 năm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng, Đ1 nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, Đ1 nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của ông Nguyễn Hồng Sinh: Yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Đồng ý bị cáo Đ1 và bị cáo T mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1, thấy rằng: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/10/2021 đến ngày 30/10/2021, tại địa bàn xã LB, huyện PL, tỉnh TTH, các bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1 đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt tài sản là máy tính xách tay của các bị hại. Trong đó, bị cáo Đ và bị cáo T tham gia cả 03 lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại là anh Nguyễn Đức Thành Long, bà Phan Thị Vân và bà Huỳnh Thị Hằng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 41.387.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Đ1 tham gia 02 lần chiếm đoạt tài sản của bà Phan Thị Vân và bà Huỳnh Thị Hằng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 29.887.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, các bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện PL truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo

Phạm T vừa là người khởi xướng, rủ rê vừa là người thực hành tích cực trong vụ án nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án, bị cáo Nguyễn Văn Đ1 là người thực hành nhưng bị cáo chỉ tham gia 02 lần, bị cáo Đ mặc dù đứng cạnh giới nhưng là người giúp sức tích cực, sau khi chiếm đoạt được tài sản đã nhờ người đem tài sản đi bán, tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên nên cần áp dụng các quy định của người dưới 18 tuổi phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần, bị cáo Nguyễn Văn Đ1 thực hiện 02 lần nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Đ Đ1 nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ vì bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Đ và ông Sinh chỉ mới thỏa thuận bồi thường, thực tế bị cáo chưa bồi thường cho ông Sinh nên Hội đồng xét không chấp nhận Đ1 nghị của người bào chữa.

[5] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt theo Đ1 nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị hại anh Nguyễn Đức Thành Long, bà Huỳnh Thị Hằng đã nhận lại tài sản; anh Long, bà Vân, bà Hằng không yêu cầu các bị cáo bồi thường và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hồng Sinh và các bị cáo thỏa thuận, các bị cáo liên đới bồi thường tổng số tiền là 10.000.000 đồng cho ông Sinh, phần bồi thường của các bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo T và bị cáo Đ1 mỗi bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Đ bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận nói trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Đ1 và bị cáo Đ bán tài sản của bị hại Phan Thị Vân, mỗi bị cáo được chia số tiền 400.000 đồng, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Xét số tiền này là tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội nên cần truy thu để sung ngân sách nhà nước.

[8] Đối với Võ Đại Quang Sơn và Đoàn Văn Quốc, khi chở các bị cáo đi bán tài sản thì Sơn, Quốc không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên

không có cơ sở để xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với anh Nguyễn Hồng Sinh là chủ cửa hàng SONGCHIP và chị Lê Thị Dung là chủ cửa hàng Lê Dung, khi mua tài sản do các bị cáo đem đến bán thì anh Sinh, chị Dung không biết đó là tài sản do các đối tượng trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với ông Đoàn Văn Nam, do ông Nam không biết việc Đoàn Văn Quốc tự ý lấy xe mô tô 75G1- 153.28 của ông Nam để chở các bị cáo đi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý.

[9] Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PL đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp: 01 xe mô tô hiệu YAMAHA biển kiểm soát 75AK-003.15 màu xám; 01 máy tính xách tay hiệu Asus, 15,6 inch, màu đen; 01 máy tính xách tay hiệu HP, 15,6 inch, màu vàng; 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển kiểm soát 75G1-153.28 màu cam đen; 01 máy tính xách tay hiệu Asus Vivobook, 15,6 inch, màu bạc; 01 dây sạc pin. Tại phiên tòa, không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm T 01(Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 09/8/2022).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Đại Đ 01(Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh TTH. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 16/12/2021) theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh TTH.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo

Phạm T, Võ Đại Đ, Nguyễn Văn Đ1 và ông Nguyễn Hồng Sinh. Các bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ, Nguyễn Văn Đ1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hồng Sinh số tiền 10.000.000 đồng. Nghĩa vụ bồi thường theo phần của các bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo T bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Đ1 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Hồng Sinh cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Võ Đại Đ số tiền 400.000 đồng và của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 400.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm T, Võ Đại Đ và Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ.

T hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND PL;
- Công an huyện PL;
- Chi cục THADS;
- Những người TGT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Xuân Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

